

Số: 54 /NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về thông qua Danh mục dự án cần thu hồi đất;
dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa,
đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BẢY
(Từ ngày 07 đến ngày 09 tháng 12 năm 2019)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Tờ trình số 5087/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thông qua Danh mục dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 724 /BC-HĐND-ĐT ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất (gồm điều chỉnh diện tích dự án đã được thông qua và bổ sung dự án mới); dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

1. Danh mục các dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (Danh mục 01):

1.1. Dự án bổ sung cần thu hồi đất: **28** dự án.

1.2. Dự án có chuyển mục đích sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa: **06** dự án.

1.3. Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của hộ gia đình cá nhân theo đơn vị hành chính cấp huyện.

2. Danh mục dự án cần điều chỉnh diện tích đất thu hồi và điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ đã được thông qua tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố (Danh mục 2):

2.1. Điều chỉnh ranh, diện tích đất thu hồi các dự án: **57** dự án điều chỉnh ranh, diện tích thu hồi đất trên địa bàn các quận, huyện.

2.2. Điều chỉnh ranh, diện tích chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ: **15** dự án điều chỉnh ranh, diện tích chuyển mục đích đất trồng lúa và **01** dự án điều chỉnh ranh, diện tích chuyển mục đích đất rừng phòng hộ tại huyện Cần Giờ.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố có kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này; đảm bảo đúng tiến độ, không làm tăng tổng mức đầu tư, đảm bảo đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người dân. Đồng thời, Ủy ban nhân dân thành phố cần chỉ đạo sở, ngành phối hợp quận, huyện rà soát các dự án đảm bảo sự phù hợp, thống nhất về tên, diện tích dự án, diện tích thu hồi, diện tích chuyển mục đích đất lúa trong các văn bản liên quan đảm bảo chặt chẽ thủ tục pháp lý theo quy định trước khi thực hiện thu hồi đất.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ mười bảy thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố;
- Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- VP. Ủy ban nhân dân thành phố;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN quận, huyện;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐNDTP: CVP, PCVP, TP;
- Lưu: VT, (Phòng CTHĐ-Đức).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Lệ

DỰ ÁN CHUYỂN MỤC DỊCH SỬ DỰNG ĐẤT LỬA TRONG NĂM 2020
(Đính kèm 54 /NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố)



STT	Tên công trình, dự án		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc Văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú
									Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)								(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
QUẬN 2																
1	Xây dựng kè chống sạt lở bờ trái sông Sài Gòn (khu vực phường Thảo Điền, quận 2)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông		0,15	0,15				Một phần thửa 1, 2, 3, một phần sông, từ BD số 44; Một phần thửa 3, từ BD số 43	Thảo Điền	Quyết định số 2861/QĐ-UBND ngày 5/7/2019 của UBND Thành phố về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2019 nguồn vốn ngân sách thành phố; Văn bản số 3644/UBND-DA ngày 15/8/2018 của UBND Thành phố về chủ trương giao đơn vị làm Chủ đầu tư dự án Xây dựng kè chống sạt lở bờ trái sông Sài Gòn khu vực phường Thảo Điền, quận 2;	0,03 0,11 0,01	CAN ODT SON	0,15 (DGT)		
2	Giải tỏa nghĩa trang Chùa Ông 1	Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng khu vực quận 2		0,71	0,71				Một phần thửa 49, 73, tờn thửa 45, từ BD số 1; Một phần thửa 1, 5 từ BD số 2	Cát Lái	Ngهی quyết số 04/NQ-HĐND ngày 14 tháng 07 năm 2018 của Hội đồng nhân dân quận 2 về thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (nguồn vốn ngân sách quận)	0,01 0,70	ODT NTD	0,36 (DKV) 0,35 (DGT)	0,35 ha thuộc lô giới đường Xuyên Tâm	
3	Giải tỏa nghĩa trang Chùa Ông 2	Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng khu vực quận 2		0,38	0,38				Một phần thửa 143, một phần đường giao thông, từ BD số 14	Cát Lái	Ngهی quyết số 04/NQ-HĐND ngày 14 tháng 07 năm 2018 của Hội đồng nhân dân quận 2 về thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (nguồn vốn ngân sách quận)	0,38	NTD	0,38 (DKV)		
4	Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa hộ gia đình, cá nhân					2,09				08 phường			2,09	LUA	1,18 (ODT)	
QUẬN 7																
1	Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất lúa của hộ gia đình, cá nhân				0,72						Tân Hưng	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	0,42	LUA	ODT	
											Bình Thuận		0,01	LUA	ODT	
											Tân Thuận Đông		0,06	LUA	ODT	
											Phú Thuận		0,23	LUA	ODT	

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích dự án (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	DT CMD lúa dưới 10ha (ha)	DT CMD lúa trên 10ha (ha)	DT CMD rừng dưới 20ha (ha)	Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc Văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú
								Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
QUẬN 8															
1	Nhu cầu đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất lúa của Hộ gia đình, cá nhân				0,71					7 Phường	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	0,708	LUA*	0.708 (ODT)	
QUẬN 9															
1	Xây dựng Đình Tân Nhơn	Ban quản lý đầu tư xây dựng khu vực	0,19		0,19			một phần thửa 53, 55	33	Tân Phú	Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND Quận 9 về giao kế hoạch vốn đầu tư và xây dựng năm 2018	0,19	LUA	TIN	
2	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Duy Trinh (đoạn từ vành đai 2 đến đường vào khu công nghiệp Phú Hữu)	Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình giao thông	6,50	2,15	0,01			nhiều thửa	từ 22, 23, 24, 25, 37, 40, 41, 42, 43, 44, 45	Phú Hữu	Quyết định 2861/QĐ-UBND của UBND TP ngày 05/7/2019 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2019 nguồn vốn ngân sách nhà nước	0,01 0,30 0,02 1,59 0,04 0,15 0,02 0,02 0,12 4,23	LUK CLN NTS ODT TSC DTL DYT TON SON DGT	DGT	

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích dự án (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	DT CMD lúa dưới 10ha (ha)	DT CMD lúa trên 10ha (ha)	DT CMD rừng dưới 20ha (ha)	Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc Văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú
								Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
3	Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa hộ gia đình, cá nhân				40,76					13 phường		37,23 3,53	LUA	CLN ODT	

QUẬN 10

1	Xây dựng mới Trụ sở Ủy ban nhân dân Phường 7 - Công an Phường 7 - Ban chỉ huy Quân sự Phường 7	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận 10	0,09	0,004				thửa 4,5	Tờ 7	Phường 7	- Nghị Quyết 11/5/ NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân ngày 27/11/2018 về việc thông qua chủ trương đầu tư xây dựng mới trụ sở Ủy ban nhân dân - Công an - Ban chỉ huy Quân sự Phường 7 tại số 85-87 đường Nguyễn Kim, Phường 7, Quận 10 - Bảo cáo 266/BCDXCTDT-BQLĐT của Ban quản lý đầu tư Xây dựng công trình ngày 28/10/2019 về đề xuất chủ trương đầu tư dự án: xây dựng mới trụ sở Ủy ban nhân dân - Công an - Ban chỉ huy Quân sự Phường 7 tại số 85-87 đường Nguyễn Kim, Phường 7, Quận 10 - GCN QSDĐ CT30139 ngày 31/12/2013	0,09 0,004	TSC ODT (DGT)	TSC	Phân diện tích đất ở này là do lấn chiếm đất giao thông
2	Mở rộng Trường Mầm non Phương 5	Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng chủ đầu tư dự án bồi thường	0,12	0,02				thửa 11,12,26,59	Tờ 13	Phường 5	Quyết định số 2861/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Văn bản 7243/UBND-TCKH của Ủy Ban Nhân dân Quận 10 về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư công trình bồi thường giải phóng mặt bằng mở rộng trường Mầm non phường 5.	0,10 0,02	DGD ODT	DGD	

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích dự án (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	DT CMD lúa dưới 10ha (ha)	DT CMD lúa trên 10ha (ha)	DT CMD rừng dưới 20ha (ha)	Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc Văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMB (ha)	Ghi chú
								Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
QUẬN 11															
1	Trạm biến áp 220/110kV Đầm Sen	Tổng Công ty Điện lực tpHCM	0,27	0,27				Một phần thửa số 2	25	Phường 3	- Văn bản số 2961/UBND-CNN ngày 14/6/2016 của UBND Thành phố, về chọn vị trí xây dựng trạm biến áp 220kV Đầm Sen, phường 3 quận 11. - Quy hoạch đô thị: Căn cứ Quyết định số 2400/QĐ-UBND ngày 11/5/2013 của UBND TP về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết (QH phân khu) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư liên phường 1-3-10, Quận 11, vị trí khu phía Đông Nam của Công viên Văn hóa Đầm Sen có quy hoạch xây dựng 01 trạm điện 220kV (giáp đường kênh Tân Hóa và rạch Đầm Sen). - Quy hoạch sử dụng đất: có trong danh mục công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) của UBND Thành phố.	0,27	DVH	DNL (0,270 ha)	
QUẬN 12															
1	Nạo vét, kiến cổ hóa rạch Bà The	Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng khu vực Quận 12	2,76	0,01					Tờ 53 một phần thửa 568	Thanh Xuân	- QĐ 579/QĐ-UBND_TC ngày 31/7/2017 của UBND Q12 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng nhóm C QĐ 2293/QĐ-UBND-ĐT ngày 30/10/2017 của UBND Q12 về việc phê duyệt dự án nạo vét, kiến cổ hóa rạch Bà The - QĐ vốn 6146/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBNDTP về kế hoạch vốn năm 2019 nguồn vốn ngân sách thành phố	0,01 (ODT_Thu hồi) 0,3836 (ODT chuyển mục đích) 0,4152 (DGT) 0,1747 (BHK) 0,01987(TIN) 1,744(SON)		2,76 (DTL)	

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích dự án (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	DT CMD lúa dưới 10ha (ha)	DT CMD lúa trên 10ha (ha)	DT CMD rừng dưới 20ha (ha)	Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc Văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú				
								Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)				
2	Bờ bao rạch Sơ Rơ	Ban Quản lý Dự án Dầu tư xây dựng khu vực Quận 12	1,19	0,03					Tờ 24,30 và tờ thứ 5 thuộc xã Thanh Lộc huyện Hóc Môn cũ	Thanh Xuân	QĐ số 208/QĐ-SNN ngày 27/6/2018 của Sở NN và PTNN về phê duyệt điều chỉnh dự án Bờ bao Sơ Rơ CV 1923/UBND-ĐTMT ngày 27/4/2016 của UBNDTP về giải quyết chính sách đối với ông Nguyễn Văn Dực bị ảnh hưởng bởi dự án Bờ bao Rạch Sơ Rơ	0,032 (ODT thu hồi) 0,1372 (SON) 0,5017 (HNK) 0,003406 (TON) 0,08096 (ODT) 0,47 (DGT)		1,193 (DTL)					
3	Lắp đặt tuyến ống cấp 1 đường Xuyên Á - Tô ngọc Vân, Quận 12, Thủ Đức	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	0,18	0,07					Tờ 44 phường Thới An, Tờ 68,72,73,75 phường Thanh Xuân; Tờ 37, 36, 35 phường Thanh Lộc; Tờ 6 phường An Phú Đông	Thới AN; Thanh Xuân; Thanh Lộc	QĐ số 1829/QĐ-UBND ngày 5/5/2018 về phê duyệt DM, dự án tham gia chương trình kích cầu đầu tư của TP CV số 300/HTKT-CN ngày 5/7/2017 về kết quả thẩm định thiết kế dự án lắp đặt tuyến ống cấp nước QĐ số 1761/QĐ-TCT-KHDT ngày 2/11/2017 về phê duyệt điều chỉnh nguồn gốc vốn các gói thầu	0,09894 (DGT) 0,06122 (BHK) 0,01177 (SON) 0,00626 (ODT)		0,18 (DTL)					
4	Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của hộ gia đình cá nhân				8,77							8,77	LUA	ODT					
QUẬN BÌNH THẠNH																			
1	Dự án cải tạo rạch nhánh kênh Thanh Đa	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Bình Thạnh	0,10	0,05							Các thửa thuộc một phần tờ bản đồ số 28, 33, 34, 35			P. 27	Quyết định số 2034/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND, TP về Kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình hành động về chỉnh trang và phát triển đô thị trên địa bàn Thành phố năm 2018.	0,05 0,05	ODT SON	0,10 (DTL)	Dự án cấp bách, thuộc danh mục, dự án đầu tư công của Quận

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích dự án (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	DT CMD lúa dưới 10ha (ha)	DT CMD lúa trên 10ha (ha)	DT CMD rừng dưới 20ha (ha)	Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc Văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú
								Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
2	Dự án mở rộng đường D1 và hẻm 20 phục vụ bãi trung chuyển xe buýt 152 Điện Biên Phủ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	1,20	0,24				Các thửa thuộc một phần tờ 66, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 96, 97, 98			- Quyết định số 2661/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của UBND TP về chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công thuộc nhóm C của TP.HCM (đợt 2)	0,01 0,23 0,96	TMD ODT DGT	1,20 (DGT)	Dự án cấp bách, thuộc danh mục, dự án đầu tư công của Quận
QUẬN THỦ ĐỨC															
1	Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp luồng sông Sài Gòn đoạn từ cầu đường sắt Bình Lợi tới cảng bến súc theo hình thức hợp đồng BOT	Công ty TNHH Đầu tư BOT Bình Lợi	0,58	0,12					từ 119, 120, 121, 122, 123, 151	Hiệp Bình Chánh	- QĐ 5080/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2014 của BGTVT về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp luồng sông Sài Gòn đoạn từ cầu đường sắt Bình Lợi tới cảng bến súc theo hình thức hợp đồng BOT; - VB 5246/SGTVT-KT ngày 16/7/2019 của Sở GTVT về chủ trương thu hồi đất bổ sung mở rộng giao lộ đường Kha Vạn Cân .	0,46 0,12	DGT SKC	0,58 (DGT)	
2	Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của hộ gia đình cá nhân				5,67					12 phường		5,67	LUA	5,67 (HNK, CLN, ODT, PKO)	
HUYỆN BÌNH CHÁNH															
1	Trường Tiểu học Lê Minh Xuân 1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Bình Chánh	1,14	1,14				MPT số 7	Tờ số 21	Lê Minh Xuân	-Nghị quyết 29/NQ-HĐND ngày 7 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công (đợt 2 năm 2017); -Quyết định số 2861/QĐ-UBND ngày 5 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2019 nguồn vốn ngân sách Thành phố	1,14	HNK	1,14 (DGD)	

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích dự án (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	DT CMD lúa dưới 10ha (ha)	DT CMD lúa trên 10ha (ha)	DT CMD rừng dưới 20ha (ha)	Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc Văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú
								Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
2	Trường THPT Năng khiếu thể dục thể thao huyện Bình Chánh (giai đoạn 2)	Ban QLDA DTXD khu vực huyện Bình Chánh	5,00	5,00			3,03	MPT số 5,6	Tờ số 6	Lê Minh Xuân	-Nghị quyết 29/NQ-HĐND ngày 7 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công (đợt 2 năm 2017); -Quyết định số 2861/QĐ-UBND ngày 5 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2019 nguồn vốn ngân sách Thành phố	3,03 1,97	RSX DGD	5,00 (DGD)	
3	Dự án nạo vét rạch cầu Sa (giai đoạn 2)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tp.HCM	2,08	0,78				một phần tờ 2,3, 5, 6, 7, 8, 21, 22, 23, 50			Vinh Lộc A	2,08	CLN	2,08 (DGT)	
											Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 21/4/2016 phê duyệt chủ trương đầu tư - Nghị quyết 13/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 Quyết định 355/QĐ-SNN ngày 31/10/2019 phê duyệt dự án				

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích dự án (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	DT CMD lúa dưới 10ha (ha)	DT CMD lúa trên 10ha (ha)	DT CMD rừng dưới 20ha (ha)	Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc Văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú
								Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
4	Năng cấp, mở rộng đường Bùi Thanh Kiệt, Huyện Bình Chánh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	4,8	1,08				Thửa số 17, 18,21,23,24,48,49,50,51,55, 56 (tờ số 11); Thửa số 5,6,7,8,9,10,19,24,25,30,33, 34,35,40,41,42,47,53,54,55, 56(Tờ số 38); Thửa số 3,4,5,6,7,8,11,12,13,14,17,18,19,20,22,32 (Tờ số 39); Thửa số 8,9,11,19,25,31,32,33,38,39 ,51,52,53,54,58,59,60,61 (Tờ số 51); Thửa số 1,2,3,4,5,30,31,36,37 (Tờ số 53); Thửa số 1,2,3,6,7,20,21,22,36,37,38, 39 (Tờ số 69); Thửa số 45,71,72,93,120,121,123,124,131 (Tờ số 70); Thửa số 32,33,34,35,80,81 (Tờ số 73); Thửa số 1,2,3,12,13,14,15,16,17,18, 19,26,27,28,29,30,31,32,33 (Tờ số 74); Thửa số 21 (Tờ số 75); Thửa số 44 (Tờ số 77); Thửa số 1,2,3,4,5,37,40,41,42 (Tờ số 78)		Thị trấn Tân Túc	- Quyết định giao vốn: Quyết định số 2861/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBNDTP - Chủ trương đầu tư: Nghị Quyết 29/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND TP.HCM - Quyết định phê duyệt dự án số: 5345/QĐ-SGTVT ngày 31/10/2019 của Sở GTVT	1,0 0,8 2,0	CLN ONT DGT	4,8 (DGT)	
5	Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất lúa của hộ gia đình, cá nhân				95,59					16 xã, thị trấn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	18,14 8,47 7,69 29,30 31,99	LUA	CLN NKH NTS ODT ONT	
HUYỆN CỬ CHII															
1	Nhu cầu đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất lúa của Hộ gia đình cá nhân	21 xã, thị trấn			241,92						Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	241,92	LUA	CLN HNK NTS SKC	

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích dự án (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	DT CMD lúa dưới 10ha (ha)	DT CMD lúa trên 10ha (ha)	DT CMD rừng dưới 20ha (ha)	Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc Văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú
								Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
HUYỆN CẦN GIỜ															
1	Kè ven sông Soài Rạp (đoạn từ cầu đò đến công CT4) ấp Lý Hòa Hiệp, xã Lý Nhơn	Ban QLDA DTXD khu vực huyện Cần Giờ	1,58	1,55				MP thửa 14, 16 ->22, tờ 33		Lý Nhơn	- QĐ 4639/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 về quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công nhóm C (Đợt 1/2018) - QĐ số 2861/UBND ngày 05/7/2019 của UBND thành phố về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2019 nguồn vốn ngân sách thành phố	0,47 1,08 0,03	NTS CLN SON	1,58 (DTL)	
2	Kè ven sông Soài Rạp, ấp Bình Thạnh, xã Bình Khánh	Ban QLDA DTXD khu vực huyện Cần Giờ	1,42	0,80				MP rạch từ 140; MP thửa 2, rạch từ 144; MP thửa 3, 3, 7 -> 11, 36-> 38, 73-> 76, rạch từ 141;		Bình Khánh	- QĐ 4639/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 về quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công nhóm C (Đợt 1/2018) - QĐ số 2861/UBND ngày 05/7/2019 của UBND thành phố về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2019 nguồn vốn ngân sách thành phố	0,21 0,56 0,03 0,62	CLN ONT+CLN N ONT SON	1,42 (DTL)	
3	Kè ven sông Lòng Tàu ấp An Phước (đoạn 2), xã Tam Thôn Hiệp	Ban QLDA DTXD khu vực huyện Cần Giờ	1,26	0,67				Tờ 14 (42, 43, 54, 76); tờ 30 (1, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23); tờ 31 thửa số 34		Tam Thôn Hiệp	- QĐ 4639/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 về quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công nhóm C (Đợt 1/2018) - QĐ số 2861/UBND ngày 05/7/2019 của UBND thành phố về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2019 nguồn vốn ngân sách thành phố	0,42 0,22 0,03 0,07 0,52	(BHK) (ONT+CLN) N (NTS) (DGT) (SON)	1,26 (DTL)	
4	Kè ven sông Soài Rạp (đoạn từ đường vào Ủy ban xã cũ đến rạch bên Bả Nấm) ấp Tân Điền, xã Lý Nhơn	Ban QLDA DTXD khu vực huyện Cần Giờ	3,43	2,28				Tờ 63 (thửa 4, 5); Tờ 96 (thửa 3, 4); Tờ 59 (thửa 84, 85, 86, 87); Tờ 109 thửa số 1		Lý Nhơn	- Công văn số 4717/UBND-KT ngày 19/10/2018 của UBND thành phố về chủ trương đầu tư xử lý cấp bách, khắc phục 06 điểm sạt lở bờ sông, bảo vệ khu dân cư trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2019 – 2022;	0,005 2,275 1,15	ONT CLN SON+DGT	3,34 (DTL)	

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích dự án (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	DT CMD lúa dưới 10ha (ha)	DT CMD lúa trên 10ha (ha)	DT CMD rừng dưới 20ha (ha)	Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc Văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMB (ha)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
5	Kè ven sông Soài Rạp (đoạn từ rạch Bông Giếng Lớn đến Kênh Tân), ấp Bình Trường, xã Bình Khánh	Ban QLDA ĐTXD Khu vực huyện Cần Giờ	4,90	2,85	0,13			Tờ 48 (thửa 35, 36, 34, 39, 40, 48, 49, 64, 65, 94); Tờ 70 (thửa 8, 21, 19, 18, 22, 23, 26, 29, 31, 32, 37, 38, 51, 58, 59, 60, 67, 68, 72); Tờ 71 thửa 37; Tờ 107 (thửa 2, 10)		Bình Khánh	- Công văn số 4717/UBND-KT ngày 19/10/2018 của UBND thành phố về chủ trương đầu tư xử lý cấp bách, khắc phục 06 điểm sạt lở bờ sông, bảo vệ khu dân cư trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2019 – 2022;	0,28 2,32 0,13 0,12 2,05	BHK CLN LUK NTS SON	34,9 (DTL)	
6	Xây dựng nâng cấp đê biển Cần Giờ	Ban QLDA ĐTXD Khu vực huyện Cần Giờ	15,84	4,81				* Xã Long Hòa Tờ 176 (thửa 1 - 4, 117 - 120, 109 - 111); Tờ 182 (thửa 1, 2, 3, 6); Tờ 177 (thửa 1, 2, 3, 32); Tờ 178 (thửa 1, 2, 3); Tờ 180 (thửa 65, 161); Tờ 181 (thửa 1, 63). * TT. Cần Thạnh: Tờ 18 (thửa 33, 34); Tờ 19 (thửa 3, 63); Tờ 1 (thửa 149, 150); Tờ 9 (thửa 1, 2, 94); Tờ 10 (thửa 40); Tờ 11 (thửa 1); Tờ 12 (thửa 2, 5)		Xã Long Hòa TT. Cần Thạnh	- NQ 08/NQ-HĐND ngày 06/8/2015 của HĐND thành phố về chấp thuận chủ trương đầu tư - QĐ số 2861/UBND ngày 05/7/2019 của UBND thành phố về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2019 nguồn vốn ngân sách thành phố	0,23153 1,22172 1,58792 0,08508 0,55747 0,14172 1,19201 1,18998 9,44018 0,1921	BHK CLN DGT NTS CQP ONT ONT+CL N LMU SON (Biển) TCS	15,84 (DTL)	

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích dự án (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	DT CMD lúa dưới 10ha (ha)	DT CMD lúa trên 10ha (ha)	DT CMD rừng dưới 20ha (ha)	Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc Văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú
								Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
7	Xây dựng Trụ sở Trạm Vàm Sắt - Phòng Cảnh sát đường thủy thuộc Công an thành phố	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Cần Giuộc	0,19	0,19				Mặt thửa 27, 28, 30 tờ số 25				0,0928 0,0784 0,0142	BHK LNK ONT	0,1854 (TSC)	

HUYỆN HÓC MÔN

1	Nâng cấp, sửa chữa tuyến Thới Tam Thôn 5	Ban Quản lý đầu tư XDCT huyện Hóc Môn	2,52	1,51	0,40			Bản đồ Vị trí số 1007/VT/2019/HM ngày 22/7/2019 do Công ty TNHH Tư vấn & Thiết kế Xây dựng đo đạc Thành Vinh lập			xã Thới Tam Thôn	- Chủ trương đầu tư: Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 về quyết định chủ trương đầu tư và cho ý kiến các dự án đầu tư công. - Quy hoạch đô thị: Quyết định số 4800/QĐ-UBND ngày 04/09/2013 của UBNDTP về duyệt đồ án QHPK tỷ lệ 1/2000 KDC đọc Hương Lộ 80B xã Thới Tam Thôn (điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000) • Quyết định số 3472/QĐ-UBND ngày 29/06/2013 của UBND TP về duyệt đồ án QHCT XD đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư xã Thới Tam Thôn (khu 1) - Quyết định ghi vốn: Quyết định số 2861/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND TP: 500 triệu đồng. - Hiện trạng sử dụng đất: đất giao thông + đất trồng + thổ vườn + đất ở	2,52	0,40 (LUA) 1,09 (ONT, GDT, DTL, SON, CLN, CHN)	2,52 (DGT)	
---	--	---------------------------------------	------	------	------	--	--	--	--	--	------------------	--	------	--	---------------	--

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích dự án (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	DT CMT lúa dưới 10ha (ha)	DT CMT lúa trên 10ha (ha)	DT CMT rừng dưới 20ha (ha)	Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc Văn bản th thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú
								Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
2	Xây dựng đường Bà Điểm 7	Ban Quản lý đầu tư XDCT huyện Hóc Món	1,33	1,06	0,40				Bản đồ HVTV do C.ty TNHH TV và TK XD Đo đạc Thành Vinh lập theo hợp đồng số 101T/TVT/2019/HM	xã Bà Điểm	- Chủ trương đầu tư: Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 về quyết định chủ trương đầu tư và cho ý kiến các dự án đầu tư công. - Quy hoạch đô thị: Quyết định số 4800/QĐ-UBND ngày 04/09/2013 của UBNDTP về duyệt đồ án QHPK tỷ lệ 1/2000 KDC dọc Hương Lộ 80B xã Thới Tam Thôn (điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000) • Quyết định số 3472/QĐ-UBND ngày 29/06/2013 của UBND TP về duyệt đồ án QHCT XD đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư xã Thới Tam Thôn (khu 1) - Quyết định ghi vốn: Quyết định số 2861/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND TP: 500 triệu đồng.	1,33	0,398 (LUA) 1,086 (ONT, GDT, DTL, SON, CLN, CHN)	1,33 (DGT)	
3	Xây dựng Trường Tiểu học Xuân Thới Đông	Ban Quản lý đầu tư XDCT huyện Hóc Món	0,97	0,97	0,97				Bản đồ Vị trí số 105730/TTĐĐĐĐ- CNHM ngày 18/10/2019 do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập.	xã Xuân Thới Đông,	- Chủ trương đầu tư: Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 21/4/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cho ý kiến và quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách thành phố. - Quy hoạch đô thị: Quyết định số 3909/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về duyet đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) khu dân cư đường Trần Văn Mười, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn (quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông). - Quyết định ghi vốn: Quyết định số 2861/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND TP: 50 triệu đồng.	0,972 (LUA)	0,972 (DGD)		

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích dự án (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	DT CMB lúa dưới 10ha (ha)	DT CMB lúa trên 10ha (ha)	DT CMB rừng dưới 20ha (ha)	Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc Văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMB (ha)	Ghi chú
								Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
4	Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa hồ gia đình, cá nhân		145,50		145,50					12 xã, thị trấn	Bảo cáo của UBND 12 xã, thị trấn trên cơ sở tổng hợp theo 900 Đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân	145,5	LUA	145,49 (CLN, HNK, ONT, ODT, SKC)	
HUYỆN NHÀ BÈ															
1	Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa hồ gia đình, cá nhân				20,21					06 xã, 01 thị trấn		20,21	LUA	20,21 (ONT, ODT, SKC; TMD; CLN)	

DANH MỤC CÁC ĐIỀU CHỈNH THU HỒI ĐẤT, ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ TRONG NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

(Đính kèm 54 /NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố)



STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích theo NQHĐND thông qua (ha)				Diện tích sau điều chỉnh (ha)				Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú (Lý do điều chỉnh)
			Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)

QUẬN 6

QUẬN 6

1	Khu phức hợp nhà ở thương mại (621 Phạm Văn Chí)	Đang kêu gọi đầu tư	15,32	15,32			14,96	14,96			Các thửa thuộc tờ bản đồ số 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 30	621 Phạm Văn Chí Phường 7	-Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố về thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh,	0,03; 11,66; 0,01; 0,13; 0,58; 2,19; 0,26; 0,02; 0,01; 0,07	TMD, SKC, DYT, DGD, DGT, ODT, TSC, TON, DSH, TIN	0,13 (DVH); 2,90 (ODT); 1,91 (DGD); 1,21 (DKV); 0,06 (DGT); 2,09 (TSC); 0,36ha Khu đất đã được đa được Ủy ban nhân dân Thành phố cấp Giấy GCN số T00689 ngày 04/7/2008.
---	--	---------------------	-------	-------	--	--	-------	-------	--	--	---	---------------------------	---	---	--	---

QUẬN 9

1	Trường tiểu học Long Thành Mỹ	Ban quản lý đầu tư xây dựng khu vực	0,88	0,88			0,84	0,84			34,35,36,37	76	Long Thành Mỹ	-Quyết định số 6608/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về giao kế hoạch đầu tư công năm 2018 (dợt 1) nguồn vốn ngân sách thành phố. nguồn vốn số sở kiến thiết và nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) - 6146/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND TP về giao KH vốn đầu tư công năm 2019 nguồn vốn ngân sách TP	0,84	CLN	DKGD	Bản vẽ hiện trạng vi trí đang trình Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm định
---	-------------------------------	-------------------------------------	------	------	--	--	------	------	--	--	-------------	----	---------------	--	------	-----	------	---

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích theo NQ/HĐND thông qua (ha)				Diện tích sau điều chỉnh (ha)				Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú (Lý do điều chỉnh)
			Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
2	Nâng cấp mở rộng đường Lò Lu, phường Truong Thanh, Quận 9	Ban quản lý đầu tư xây dựng khu vực	4.90	4.90			4.85	4.85				2,3,6,7,8,9,10,11,12,17,18	Truong Thanh	Quyết định số 6608/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về giao kế hoạch đầu tư công năm 2018 (đợt 1) nguồn vốn ngân sách thành phố, nguồn vốn xổ số kiến thiết và nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)	4.85	CLN, ODT, DGT	DGT	Bản vẽ hiện trạng vì trí do Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm định có thay đổi diện tích ngày 16/05/2019
3	Trung tâm văn hóa Quận 9	Ban quản lý đầu tư xây dựng khu vực	0.67	0.67			0.62	0.62			34-36,37,38	34	Tăng Nhơn Phú A	Quyết định số 6608/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về giao kế hoạch đầu tư công năm 2018 (đợt 1) nguồn vốn ngân sách thành phố, nguồn vốn xổ số kiến thiết và nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)	0.58 0.9	HNK ODT	DVH	Bản vẽ hiện trạng vì trí do Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm định ngày 31/1/2018 có thay đổi diện tích
4	Nâng cấp mở rộng đường Lê Xuân Oai (đoạn từ đường Lò Lu đến đường Nguyễn Duy Trinh)	Ban quản lý đầu tư xây dựng khu vực	6.90	6.90			7.16	7.16					Lạng Truong, Truong Thanh	Quyết định số 6608/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về giao kế hoạch đầu tư công năm 2018 (đợt 1) nguồn vốn ngân sách thành phố, nguồn vốn xổ số kiến thiết và nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)	7.16	DGT, ODT, CLN	DGT	Bản vẽ hiện trạng vì trí do Ban quản lý DA ĐTXĐKV (9) lập ngày 12/8/2019 đang trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích theo QPHND thông qua (ha)				Diện tích sau điều chỉnh (ha)				Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú (Lý do điều chỉnh)
			Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
5	Trường mầm non Phước Long A	Ban quản lý đầu tư xây dựng khu vực	0,49	0,49			0,47	0,47			44.45.69.74	27	Phước Long A	Quyết định số 6608/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về giao kế hoạch đầu tư công năm 2018 (đợt 1) nguồn vốn ngân sách thành phố, nguồn vốn xổ số kiến thiết và nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)	0,05 0,25 0,17	CLN ODT SKC	DGD	Bản vẽ hiện trạng vị trí do Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm định ngày 16/5/2017 có thay đổi diện tích
6	Trường trung cấp nghề Đồng Sài Gòn	Ban quản lý đầu tư xây dựng khu vực	1,82	1,82			1,91	1,91			39,4	40	Long Thành Mỹ	Quyết định số 6608/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về giao kế hoạch đầu tư công năm 2018 (đợt 1) nguồn vốn ngân sách thành phố, nguồn vốn xổ số kiến thiết và nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)	1,91	CLN	DGD	Bản vẽ hiện trạng vị trí do Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm định ngày 7/4/2016 có thay đổi diện tích
7	Năng cấp, mở rộng đường là Xuân Đài	Ban quản lý đầu tư xây dựng khu vực	7,70	7,70			8,15	8,15			38-44.50-55.64.65.68.69.70.71 P TNPA, Tờ 7 P TNPB, Tờ 70,71 P 1,1TM		Tầng Nhon Phú A	Quyết định số 6608/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về giao kế hoạch đầu tư công năm 2018 (đợt 1) nguồn vốn ngân sách thành phố, nguồn vốn xổ số kiến thiết và nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)	8,15	CLN SKC ODT, DGT	DGD	Bản vẽ hiện trạng vị trí do Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm định ngày 16/5/2019 có thay đổi diện tích

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích theo NQHĐND thông qua (ha)				Diện tích sau điều chỉnh (ha)				Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Chi chủ (Lý do điều chỉnh)
			Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)

QUẬN 11

1	Bồi thường, giải tỏa, tái định cư mở rộng đường dự phòng Lễ Thi Bạch Cát (từ đường Bình Thới đến hẻm 32 Ông Ich Khiêm)	Ban BTGPMB	0.32	0.10			0.32	0.10			78, 108, 109, một phần thửa số: 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 110, 111	35	14	- Thông báo số 86/TB-VP ngày 18/03/2016 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận, thông báo nội dung kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận trong cuộc họp nghe báo cáo tình hình đầu tư dự án tại số 220 Bình Thới, phường 14 quận 11; - Quyết định số 3254/QĐ-UBND ngày 29/12/2018 của UBND Quận 11 về việc giao kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản - sửa chữa năm 2019	0.10	ODT	DGT (0.32 ha)	Bổ sung thu hồi 01 tổ chức (trạm điện Bình Thới xường) với diện tích thu hồi 16m ² (một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 37)
											một phần thửa số: 45, 46, 47	36						
											một phần thửa số 1	37						
2	Xây dựng môi trường Mầm non phường 06, quận 11	Ban Quận K dự án đầu tư xây dựng công trình	0.04	0.01			0.06	0.06			57	16	6	- Quyết định số 3254/QĐ-UBND ngày 29/12/2018 của UBND Quận 11 về việc giao kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản - sửa chữa năm 2019 - Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 17/7/2019 của UBND Quận 11 về điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 20/5/2016 của UBND Quận 11 về quyết định chủ trương đầu tư dự án xây dựng môi trường Mầm non phường 6	0.06	TMD	DGD (0.06 ha)	Điều chỉnh vị trí dự án từ địa chỉ số 82 Trần Quý, phường 06 quận 11 sang địa chỉ số 206-208 Trần Quý, phường 6 quận 11

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích theo QHHDND thông qua (ha)				Diện tích sau điều chỉnh (ha)				Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú (Lý do điều chỉnh)
			Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)

QUẬN BÌNH TÂN

1	Trường THCS Bình Trị Đông B	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực quận Bình Tân	1,84	0,78			1,47	1,44			Bản đồ vị trí số 03BT/XDR-TNMT ngày 20/2/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường (Số hợp đồng: 286/HĐBV-VPH(BV 286-1)	Bình Trị Đông B	Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 9/12/2016 của HĐND TP về việc thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất. Quyết định số 4826/QĐ-UBND ngày 16/9/2016 của UBND thành phố về giao kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2016 (dợt 2)	0,03 0,63 0,81	DGT ODT DGD	1,47 (DGD)	Điều chỉnh cho phù hợp với diện tích bản vẽ hiện trạng sử dụng đất đã được Sở TNMT TP thẩm định
2	Năng cấp, cải tạo đường kênh Hàng Giẫy	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực quận Bình Tân	0,36	0,04			0,73	0,33			Bản đồ hiện trạng vị trí số 43984/GD-TNMT ngày 30/5/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hồ Chí Minh (Số hợp đồng: 62/2019/HD-BQLĐT)	An Lạc	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND TP về việc thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất. Quyết định số 6821/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND TP Hồ Chí Minh về quyết định chủ trương đầu tư công nhóm C	0,04 0,36 0,29 0,04	NTS DTL ODT DGT	0,73 (DGT)	Điều chỉnh cho phù hợp với diện tích bản vẽ hiện trạng sử dụng đất đã được Sở TNMT TP thẩm định
3	Năng cấp, mở rộng đường Lý Chiêu Hoàng nối dài quận Bình Tân (rach Lê Công Phép)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực quận Bình Tân	0,52	0,30			0,57	0,35			Bản đồ hiện trạng vị trí số 43992/GD-TNMT ngày 1/8/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hồ Chí Minh (Số hợp đồng: 62/2019/HD-BQLĐT)	An Lạc	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND TP về việc thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất. dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn TP HCM. Quyết định số 6821/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND TP về quyết định chủ trương đầu tư công nhóm C	0,10 0,25 0,22	SKC ODT DGT	0,57 (DGT)	Điều chỉnh cho phù hợp với diện tích bản vẽ hiện trạng sử dụng đất đã được Sở TNMT TP thẩm định

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích theo NQHĐND thông qua (ha)				Diện tích sau điều chỉnh (ha)				Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Chị chủ (Lý do điều chỉnh)
			Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích đất rừng	Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích đất rừng	Diện tích đất lúa dưới 10ha	Diện tích đất rừng	Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
4	Cải tạo Sông Kinh, quân Bình Tân	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực quân Bình Tân	10.89	7.07			11.08	7.17			Bản đồ vị trí số 9505/DD/XDR-TNMT ngày 7/8/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hồ Chí Minh (Số hợp đồng: 128/2019/HĐ-BQLDA)		Tân Tao A	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND TP về việc thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất.	0.49 0.90 0.03 0.52 1.49 5.21 0.02 2.42	LUA CLN NTS SKC DGT ODT NTD DTL	11.08 (DTL)	Điều chỉnh cho phù hợp với diện tích bản vẽ hiện trạng sử dụng đất đã được Sở TNMT TP thẩm định
5	Cải tạo Sông Đập quân Bình Tân	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực quân Bình Tân	2.07	1.04			3.82	2.39			Bản đồ vị trí số 710619/XDR - TNMT ngày 25/6/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hồ Chí Minh (Số hợp đồng: 59/2019/HĐ-BQLDT)		Tân Tao A	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND 22/7/2019 của HĐND TP về thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất.	0.02 0.11 0.64 1.60 0.02 0.45 0.98	LUA HNK SKC ODT DTS DGT DTL	3.82 (DTL)	Điều chỉnh cho phù hợp với diện tích bản vẽ hiện trạng sử dụng đất đã được Sở TNMT TP thẩm định
6	Nâng cấp, mở rộng đường Bùi Tư Toàn, phường An Lạc, quận Bình Tân	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực quân Bình Tân	2.27	1.43			2.29	1.44			Bản đồ vị trí số 43985/GD-TNMT ngày 30/5/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hồ Chí Minh (Số hợp đồng: 50/2019/HĐ-BQLDT)		An Lạc	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND TP về việc thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyên mục dịch sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn TP HCM.	0.08 0.15 0.06 1.21 0.79	SKC DTT DTL ODT DGT	2.29 (DGT)	Điều chỉnh cho phù hợp với diện tích bản vẽ hiện trạng sử dụng đất đã được Sở TNMT TP thẩm định

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích theo NQHĐND thông qua (ha)				Diện tích sau điều chỉnh (ha)				Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú (Lý do điều chỉnh)
			Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
7	Trường tiểu học Bình Hưng Hòa A (khu phố 12)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực quận Bình Tân	1.24	1.20			1.44	1.38			Bản đồ vị trí số 43973 GD/TNMT ngày 4/7/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hồ Chí Minh (Số hợp đồng: 10/HDDĐV-QH2019)	Bình Hưng Hòa A	Nghị Quyết số 20/NQ-HĐND ngày 9/12/2015 của HĐND TP về việc thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất: dự án cơ chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn TP.	0.06 1.38	DGT ODT	1.44 (DGD)	Điều chỉnh cho phù hợp với diện tích ban về hiện trạng sử dụng đất đã được Sở TNMT TP thẩm định (điều chỉnh tăng diện tích bổ sung đường dẫn vào trường để đảm bảo giao thông vào trường)	
8	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực quận Bình Tân	1.50	1.50			1.51	1.51			Bản đồ vị trí số 9467 DD/GD-TNMT ngày 31/5/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hồ Chí Minh (Số hợp đồng: 202/2018/HD-BQLĐT)	Bình Hưng Hòa B	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND 22/7/2019 của HĐND TP về thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, dự án cơ chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn TP HCM.	0.81 0.70	LUA ODT	1.42 (DGD) 0.09 (DGT)		

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích theo NQHĐND thông qua (ha)				Diện tích sau điều chỉnh (ha)				Địa điểm khu đất			Cơ sở pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú (Lý do điều chỉnh)	
			Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	
9	Trường Tiểu học Trần Cao Vân	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực quận Bình Tân	0.80	0.80			1.13	1.12			Bản đồ vị trí số 750619/XDR-TNMT ngày 25/6/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hồ Chí Minh (Số hợp đồng: 200/2018/HĐ-BQLĐT)		Tân Tạo	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND 22/7/2019 của HĐND TP về thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa	0.27 0.73 0.12 0.01	HNK NTS ODT DGT	0.80 (DGD) 0.33 (DGT)	Điều chỉnh cho phù hợp với diện tích bản vẽ hiện trạng sử dụng đất đã được Sở TNMT TP thẩm định (điều chỉnh tăng diện tích bổ sung đường dẫn vào trường để đảm bảo giao thông vào trường)	
HUYỆN CẦN GIỜ																			
1	Nâng cấp đường để từ sông Soai Ráp đến đường Lý Nhơn (tuyến số 1) khu vực 420ha	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Cần Giờ	0.53	0.53	0.04		0.54	0.46	0.04		Bản đồ vị trí do Công ty TNHH Vũ Trần lập và Sở TN-MT thành phố kiểm duyệt tại số 011CG/XDR-TNMT ngày 03/7/2019	An Thới Đông	- QĐ số 1169/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND huyện Cần Giờ về phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật - Thông báo số 8167/TB-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Cần Giờ về giao kế hoạch đầu tư công năm 2019 (dợt 1) nguồn vốn ngân sách thành phố phân cấp - NQ số 09/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố về Danh mục các dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn thành phố	0.3741 0.0328 0.0219 0.0358 0.0684 0.0027	(NTS) (CLN) (ONT) + (CLN) (LUK) (SON) (DGT)	0.5357 (DGT)	- Điều chỉnh KHSDĐ cho đúng với bản vẽ được duyệt		

HUYỆN CẦN GIỜ

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích theo QPHND thông qua (ha)				Diện tích sau điều chỉnh (ha)				Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú (lý do điều chỉnh)
			Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
2	Xây dựng môi tuyến đi từ sông Soai rap đến đường Lý Nhơn (tuyến số 2) khu vực 420ha	Ban QLDA DTXD khu vực huyện Cần Giuộc	0,65	0,65			0,76	0,64			Bản đồ vị trí do Công ty TNHH Vũ Trần lập và Sở TN-MT thành phố kiểm duyệt tại số 012CG/XDR-TNMT ngày 03/7/2019		An Thới Đông	- QĐ số 1170/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND huyện Cần Giuộc về phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật - Thông báo số 8167/TB-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Cần Giuộc về giao kế hoạch đầu tư công năm 2019 (dợt 1) nguồn vốn ngân sách thành phố phân cấp - NQ số 09/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố về Danh mục các dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn thành phố	0,4315 0,2072 0,1175	(CLN) (NTS) (SON)	0,7562 (DGT)	- Điều chỉnh KHSDĐ cho đúng với bản vẽ được duyệt
3	Nâng cấp đường đi từ sông Soai Ráp đến đường Lý Nhơn (tuyến số 3) khu vực 420ha	Ban QLDA DTXD khu vực huyện Cần Giuộc	1,12	1,12	0,28		1,12	1,09	0,28		Bản đồ vị trí do Công ty TNHH Vũ Trần lập và Sở TN-MT thành phố kiểm duyệt tại số 013CG/XDR-TNMT ngày 03/7/2020		An Thới Đông	- QĐ số 1171/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND huyện Cần Giuộc về phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật - Thông báo số 8167/TB-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Cần Giuộc về giao kế hoạch đầu tư công năm 2019 (dợt 1) nguồn vốn ngân sách thành phố phân cấp - NQ số 09/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố về Danh mục các dự án cần thu hồi đất.	0,0549 0,2824 0,2667 0,4872 0,0004 0,0303	(BHK) (LJK) (NTS) (CLN) (ONT+CLN) (N) (SON)	1,1208 (SGT)	- Điều chỉnh KHSDĐ cho đúng với bản vẽ được duyệt

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích theo NQHĐND thông qua (ha)				Diện tích sau điều chỉnh (ha)				Địa điểm khu đất			Cơ sở pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú (Lý do điều chỉnh)
			Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
4	Xây dựng để bao nội đồng kết hợp giao thông nông thôn kết nối khu vực ra đường An Thới Đông (đoạn 02) khu vực 308ha	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Cần Giờ	0.44	0.44			0.44	0.43			Bản đồ vị trí do Công ty TNHH Vũ Trần lập và Sở TN-MT thành phố kiểm duyệt tại số 015CG/XDR-TNMT ngày 03/7/2022	An Thới Đông		- QĐ số 1173/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND huyện Cần Giờ về phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật - Thông báo số 8167/TB-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Cần Giờ về giao kế hoạch đầu tư công năm 2019 (đợt 1) nguồn vốn ngân sách thành phố phân cấp	0.0112 0.1071 0.2021 0.0110 0.1114	(BHK) (NTS) (CLN) (SON) (ONT+CLN)	0.4428 (DGT)	- Điều chỉnh KHSDĐ cho đúng với bản vẽ được duyệt
5	Xây dựng hệ thống thủy lợi kênh Ngáy (nạo vét kênh, đắp đê) khu vực 308ha	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Cần Giờ	0.76	0.76	0.04		0.76	0.72	0.04		Bản đồ vị trí do Công ty TNHH Vũ Trần lập và Sở TN-MT thành phố kiểm duyệt tại số 016CG/XDR-TNMT ngày 20/3/2018	An Thới Đông		- QĐ số 1174/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND huyện Cần Giờ về phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật - Thông báo số 8167/TB-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Cần Giờ về giao kế hoạch đầu tư công năm 2019 (đợt 1) nguồn vốn ngân sách thành phố phân cấp	0.0612 0.0443 0.3749 0.1731 0.0337 0.0712	(BHK) (LUK) (NTS) (CLN) (SON) (ONT+CLN)	0.7584 (DGT)	- Điều chỉnh KHSDĐ cho đúng với bản vẽ được duyệt

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích theo QPHĐND thông qua (ha)				Diện tích sau điều chỉnh (ha)				Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMB (ha)	Ghi chú (Lý do điều chỉnh)
			Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMB đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMB đất rừng	Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMB đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMB đất rừng	Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
6	Xây dựng hệ thống thủy lợi kênh Hóc Quai Lớn (nao vét kênh, đắp đê) khu vực 308ha	Ban QLDA DTXD khu vực huyện Cần Giuộc	0,61	0,61	0,10		0,35	0,34	0,10		Bản đồ vị trí do Công ty TNHH V&T Trần lập và Sở TN-MT thành phố kiểm duyệt tại số 017CCG/XDR-TNMT ngày 03/7/2019	An Thới Đông		- QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 30/9/2017 của UBND huyện Cần Giuộc về phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật - Thông báo số 8167/TB-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Cần Giuộc về giao kế hoạch đầu tư công năm 2019 (dợt 1) nguồn vốn ngân sách thành phố phân cấp - NQ số 09/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố về Danh mục các dự án cần thu hồi đất.	0,30 0,08 0,05 0,10 0,01 0,0051	(NTS) (CLN) (ONT+CLN) (LƯK) (BHK) (SON)	0,5451 (DGT)	- Điều chỉnh KHSDD cho đúng với bản vẽ được duyệt
7	Xây dựng hệ thống thủy lợi kênh Bau Thới (nao vét kênh, đắp đê) khu vực 308ha	Ban QLDA DTXD khu vực huyện Cần Giuộc	0,68	0,68	0,06		0,66	0,60	0,06		Bản đồ vị trí do Công ty TNHH V&T Trần lập và Sở TN-MT thành phố kiểm duyệt tại số 018CG/XDR-TNMT ngày 03/7/2019	An Thới Đông		- QĐ số 1176/QĐ-UBND ngày 30/9/2017 của UBND huyện Cần Giuộc về phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật - Thông báo số 8167/TB-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Cần Giuộc về giao kế hoạch đầu tư công năm 2019 (dợt 1) nguồn vốn ngân sách thành phố phân cấp - NQ số 09/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố về Danh mục các dự án cần thu hồi đất.	0,1900 0,1800 0,1701 0,0611 0,0629	(NTS) (CLN) (ONT+CLN) (LƯK) (SON)	0,6641 (DGT)	- Điều chỉnh KHSDD cho đúng với bản vẽ được duyệt

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích theo NQHĐND thông qua (ha)				Diện tích sau điều chỉnh (ha)				Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú (Lý do điều chỉnh)
			Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
8	Xây dựng đường đê nội đồng khu vực 233 ha ấp Rạch Lá (giai đoạn 01)	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Cần Giuộc	0.63	0.63			0.62	0.58			Bản đồ vị trí do Công ty TNHH Vũ Trần lập và Sở TN-MT thành phố kiểm duyệt tại số 020CG/XDR-TNMT ngày 26/3/2018	An Thới Đông		- QĐ số 1177/QĐ-UBND ngày 30/9/2017 của UBND huyện Cần Giuộc về phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật - Thông báo số 8167/TB-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Cần Giuộc về giao kế hoạch đầu tư công năm 2019 (dợt 1) nguồn vốn ngân sách thành phố phân cấp - NQ số 09/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố về Danh mục các dự án cần thu hồi đất.	0.01 0.1451 0.36 0.06 0.0403	(BHK) (CLN) (NTS) (ONT+CLN) (SON)	0.6154 (DGT)	- Điều chỉnh KHSDD cho đúng với bản vẽ được duyệt
9	Xây dựng đường đê nội đồng khu vực 233 ha ấp Rạch Lá (giai đoạn 02)	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Cần Giuộc	0.57	0.57			0.58	0.56			Bản đồ vị trí do Công ty TNHH Vũ Trần lập và Sở TN-MT thành phố kiểm duyệt tại số 021CG/XDR-TNMT ngày 03/7/2019	An Thới Đông		- QĐ số 1178/QĐ-UBND ngày 30/9/2017 của UBND huyện Cần Giuộc về phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật - Thông báo số 8167/TB-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Cần Giuộc về giao kế hoạch đầu tư công năm 2019 (dợt 1) nguồn vốn ngân sách thành phố phân cấp - NQ số 09/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố về Danh mục các dự án cần thu hồi đất.	0.3910 0.1210 0.0400 0.0100 0.0130	(NTS) (CLN) (ONT+CLN) (N) (NTD) (SON)	0.5730 (DGT)	- Điều chỉnh KHSDD cho đúng với bản vẽ được duyệt

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích theo QPHĐND thông qua (ha)				Diện tích sau điều chỉnh (ha)				Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú (Lý do điều chỉnh)
			Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
10	Xây dựng đường đi nội đồng ngang Rạch Dước (đọc Rạch Răng) 246ha xã Bình Khánh	Ban QLDA DTXD khu vực huyện Cần Giờ	1,05	1,05	0,19		1,06	1,02	0,19		Bản đồ vị trí do Công ty TNHH Vũ Trần lập và Số TN-MT thành phố kiểm duyệt tại số 022CG/XDR-TNMT ngày 03/7/2019		Bình Khánh	- QĐ số 1179/QĐ-UBND ngày 30/9/2017 của UBND huyện Cần Giờ về phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật - Thông báo số 816/7TB-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Cần Giờ về giao kế hoạch đầu tư công năm 2019 (dợt 1) nguồn vốn ngân sách thành phố phân cấp - NQ số 09/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố về Danh mục các dự án cần thu hồi đất.	0,2326 0,2753 0,1910 0,3010 0,0201 0,0439	(BHK) (CLN) (LUK) (NTS) (ONT+CLN) (SON)	1,0639 (DGT)	- Điều chỉnh KHSDD cho đúng với bản vẽ được duyệt
11	Xây dựng tuyến đi bao nội đồng khu vực 246ha Tam Thôn Hiệp	Ban QLDA DTXD khu vực huyện Cần Giờ	0,57	0,57			0,58	0,50			Bản đồ vị trí do Công ty TNHH Vũ Trần lập và Số TN-MT thành phố kiểm duyệt tại số 023CG/XDR-TNMT ngày 03/7/2019		Tam Thôn Hiệp	- QĐ số 1180/QĐ-UBND ngày 30/9/2017 của UBND huyện Cần Giờ về phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật - Thông báo số 816/7TB-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Cần Giờ về giao kế hoạch đầu tư công năm 2019 (dợt 1) nguồn vốn ngân sách thành phố phân cấp - NQ số 09/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố về Danh mục các dự án cần thu hồi đất.	0,3200 0,1760 0,0579 0,0233	(LN,K) (NTS) (SON) (DGT)	0,5772 (DGT)	- Điều chỉnh KHSDD cho đúng với bản vẽ được duyệt

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích theo NQHĐND thông qua (ha)				Diện tích sau điều chỉnh (ha)				Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú (Lý do điều chỉnh)
			Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
12	Xây dựng Đê, kênh nhánh phục vụ làm muối xã Thanh An	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Cẩm Giơ	2.13	2.13			0.75	0.65			Bản đồ vị trí do Công ty TNHH Vũ Trần lập và Sở TN-MT thành phố kiểm duyệt tại số 025CG/XDR-TNMT ngày 03/7/2019		Thanh An	- QĐ số 1182/QĐ-UBND ngày 30/9/2017 của UBND huyện Cẩm Giơ về phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật - Thông báo số 8167/TB-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Cẩm Giơ về giao kế hoạch đầu tư công năm 2019 (đợt 1) nguồn vốn ngân sách thành phố phân cấp - NQ số 09/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố về Danh mục các dự án cần thu hồi đất.	0.5705 0.0428 0.0060 0.0318 0.1003	(LMU) (XD) CDK (ONT+CL N) (DGT)	0.7514 (DGT)	- Điều chỉnh KHSDD cho đúng với bản vẽ được duyệt
13	Xây dựng tuyến đê ven chuyển muối từ Rạch Mương Thông đến đê Lũy Sam xã Lý Nhơn	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Cẩm Giơ	1.50	1.50			2.08	2.06			Bản đồ vị trí do Công ty TNHH Vũ Trần lập và Sở TN-MT thành phố kiểm duyệt tại số 026CG/XDR-TNMT ngày 03/7/2019		Lý Nhơn	- QĐ số 1183/QĐ-UBND ngày 30/9/2017 của UBND huyện Cẩm Giơ về phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật - Thông báo số 8167/TB-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Cẩm Giơ về giao kế hoạch đầu tư công năm 2019 (đợt 1) nguồn vốn ngân sách thành phố phân cấp - NQ số 09/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố về Danh mục các dự án cần thu hồi đất.	0.4399 1.0630 0.0043 0.5559 0.0173	(LMU) (LN K) (Hq/b) (Ao t) (SON)	2.0804 (DGT)	- Điều chỉnh KHSDD cho đúng với bản vẽ được duyệt

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích theo NQ/HĐND thông qua (ha)				Diện tích sau điều chỉnh (ha)				Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú (Lý do điều chỉnh)
			Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMB đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMB đất rừng	Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMB đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMB đất rừng	Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
14	Xây dựng đường để phục vụ Văn chuyển muối (điểm đầu để muối, điểm cuối rạch đến bà Năm) xã Lý Nhơn	Ban QLDA DTXD khu vực huyện Cần Giờ	0,63	0,63			1,19	1,18			MP thửa 29, rạch từ 111; MP thửa 1, 2, 6, 7, 11, 12, 22 từ 113; MP thửa 15, 19, 28 từ 121		Lý Nhơn	- Thông báo số 8167/TB-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Cần Giờ về giao kế hoạch đầu tư công năm 2019 (dợt 1) nguồn vốn ngân sách thành phố phân cấp - NQ số 09/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố về Danh mục các dự án cần thu hồi đất.	0,02380 0,0126 0,0123 0,2694 0,0125 0,8630	(CLN) (ONT+CLN) (DTL) (NTS) (SON) (LNK)	1,1936 (DGT)	- Điều chỉnh KHSDĐ cho đúng với bản vẽ được duyệt
15	Nâng cấp đê bao dòng mủi, Thiêng Liêng xã Thanh An	Ban QLDA DTXD khu vực huyện Cần Giờ	0,31	0,31			0,30	0,05			Bản đồ vị trí do Công ty TNHH Vũ Trần lập và Sở TN-MT thành phố kiểm duyệt tại số 024/C/XĐR-TNMT ngày 11/7/2018		Thanh An	- QĐ số 1181/QĐ-UBND ngày 30/9/2017 của UBND huyện Cần Giờ về phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật - Thông báo số 8167/TB-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Cần Giờ về giao kế hoạch đầu tư công năm 2019 (dợt 1) nguồn vốn ngân sách thành phố phân cấp - NQ số 09/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố về Danh mục các dự án cần thu hồi đất	0,1533 0,0912 0,0092 0,0056 0,0381	(SON) (DGT) (CDK) (LNK) (ONT+CLN)	0,2974 (DGT)	- Điều chỉnh KHSDĐ cho đúng với bản vẽ được duyệt

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích theo NQHĐND thông qua (ha)				Diện tích sau điều chỉnh (ha)				Địa điểm khu đất			Cơ sở pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú (Lý do điều chỉnh)
			Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
16	Xây dựng kiên cố tuyến kè bảo vệ khu dân cư ấp Bình Mỹ	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng khu vực huyện Cần Giuộc	3,26	3,26			2,76	1,26			Tờ 32 (thửa 10 - 24, 99 - 101, 154 - 166, 169 - 173, 219 - 225, 235 - 243); Tờ 33 (thửa 39 - 41, 88 - 93, 100 - 107)		Bình Khánh	- QĐ số 192/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND Tp về chỉ tiêu kế hoạch ĐTXD năm 2016 (20 tỷ) - NQ số 122/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND TP.HCM về Danh mục các dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn Thành phố;	0,02 0,06 0,07 0,63 0,55 1,43	BHK CLN DGT ONT ONT+CLN SON	2,76 (DTL)	- Điều chỉnh KHSDD cho đúng với bản vẽ được duyệt
17	Xây dựng hệ thống đê bao sông Hà Thanh từ mũi Đồng Hòa đến mũi Cần Thanh	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng khu vực huyện Cần Giuộc	13,39	11,88			13,4	10,42			Tờ 20, 21, 22, 25, 26, 27, 28, 36 - 41, 72, 73, 128, 142, 143, 155, 162, 170, 171, 176, 177 xã Long Hòa, Tờ 19 - 27, 64, 65 thị trấn Cần Thạnh		Thị trấn Cần Thạnh, xã Long Hòa	- Văn bản về tạm ứng vốn 1477/UBND-KT ngày 22/3/2017 của UBNDTP; - Quyết định số 421/QĐ-SNN ngày 26/10/2017 của Sở NN&PTNT về duyệt dự án	0,65 3,72 7,32 0,04 0,07 0,17 0,08 1,34	HNK CLN NTS SKC DGD DGT ONT SON	13,39 (DGT)	- Điều chỉnh KHSDD cho đúng với bản vẽ được duyệt
18	Xây dựng hệ thống đê bao dọc sông Soai Ráp khu vực 400ha xã Lý Nhơn	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng khu vực huyện Cần Giuộc	1,74	1,65			1,75	1,56			Mp thửa 1, 31 tờ 1; Mp thửa 8 > 12, 26- > 29 tờ số 3, Mp thửa 4, 13, 14, 32, 34, 35, 39 tờ 6, Mp thửa 3, 4, 9, 10, 34, 38, 39, 41, 54 tờ 9, Mp thửa 2, > 5, 21- > 24, 29, 30 tờ 11, Mp thửa 7- > 9, 26- > 29, 43, 44 tờ 15, Mp thửa 1, 2, 15, 17 tờ 20		Lý Nhơn	- QĐ số 593/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của UBND huyện Cần Giuộc về giao kế hoạch đầu tư công năm 2017 (dợt 3) - QĐ số 553/QĐ-UBND ngày 14/6/2017 của UBND huyện Cần Giuộc về phê duyệt chủ trương đầu tư	1,32 0,23 0,20	CLN NTS SON	1,75 (DTL)	- Điều chỉnh KHSDD cho đúng với bản vẽ được duyệt

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích theo NQHĐND thông qua (ha)				Diện tích sau điều chỉnh (ha)				Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú (Lý do điều chỉnh)
			Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
19	Xây dựng đường đê mới đê nhánh số 2 đến đê bao sông Vàm Sài khu vực 400ha xã Lý Nhơn	Ban Quản lý dự án Dầu từ Xây dựng khu vực huyện Cần Giờ	0,55	0,51			0,55	0,51			1p thửa 22, 21, 29, 42, 43 tờ 12 1p thửa 17, 18, 37, 38 tờ 15 1p thửa 7, 8 tờ 16 1p thửa 18, 19, 20, 21, 38, r tờ 19	Lý Nhơn		- QĐ số 593/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của UBND huyện Cần Giờ về giao kế hoạch đầu tư công năm 2017 (đợt 3) - QĐ số 561/QĐ-UBND ngày 14/6/2017 của UBND huyện Cần Giờ về phê duyệt chủ trương đầu tư	0,01 BHK 0,13 CLN 0,37 NTS 0,04 SON	0,55 (DTL)	- Điều chỉnh KHSDD cho đúng với bản vẽ được duyệt	
20	Xây dựng đường đê số 1 từ đường Lý Nhơn đến sông Soài Rạp khu vực 400ha xã Lý Nhơn	Ban Quản lý dự án Dầu từ Xây dựng khu vực huyện Cần Giờ	0,38				0,47	0,44			1p thửa 63->66 tờ số 4, 1p thửa 4->13 tờ số 6, 1p thửa 4, 6, 7 tờ số 7	Lý Nhơn		- QĐ số 593/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của UBND huyện Cần Giờ về giao kế hoạch đầu tư công năm 2017 (đợt 3) - QĐ số 559/QĐ-UBND ngày 14/6/2017 của UBND huyện Cần Giờ về phê duyệt chủ trương đầu tư nuôi trồng thủy sản và diêm nghiệp trên địa bàn huyện Cần Giờ	0,44 CLN 0,02 SON 0,01 DGT	0,47 (DGT)	- Điều chỉnh KHSDD cho đúng với bản vẽ được duyệt	
21	Xây dựng đường đê số 2 từ đường Lý Nhơn đến sông Soài Rạp khu vực 400ha xã Lý Nhơn	Ban Quản lý dự án Dầu từ Xây dựng khu vực huyện Cần Giờ	0,44				0,50	0,49			1p thửa 10, 13, 15, 18, 19, 21->23 tờ 11, 1p thửa 8-10 tờ 13	Lý Nhơn		- QĐ số 593/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của UBND huyện Cần Giờ về giao kế hoạch đầu tư công năm 2017 (đợt 3) - QĐ số 558/QĐ-UBND ngày 14/6/2017 của UBND huyện Cần Giờ về phê duyệt chủ trương đầu tư	0,49 CLN 0,06 SON 0,04 DGT	0,50 (DGT)	- Điều chỉnh KHSDD cho đúng với bản vẽ được duyệt	

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích theo NQHĐND thông qua (ha)				Diện tích sau điều chỉnh (ha)				Địa điểm khu đất			Cơ sở pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú (Lý do điều chỉnh)
			Diện tích dự án	Diện tích thu hồi đất rừng	Diện tích dự án	Diện tích thu hồi đất rừng	Diện tích dự án	Diện tích thu hồi đất rừng	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
22	Xây dựng hệ thống đê bao dọc sông Góc Tre nhỏ khu vực 250ha xã Lý Nhơn	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng khu vực huyện Cần Giờ	0.78				2.49	1.03			MP thửa 17, 18, 19, 45, rạch tờ số 42; MP thửa 5, 18, 32 tờ số 44; MP thửa 28, rạch tờ số 43		Lý Nhơn	- QĐ số 593/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của UBND huyện Cần Giờ về giao kế hoạch đầu tư công năm 2017 (dợt 3) - QĐ số 552/QĐ-UBND ngày 14/6/2017 của UBND huyện Cần Giờ về phê duyệt chủ trương đầu tư	0.9393 0.0015 0.0875 1.4643	(CLN) (NTS) (BHK) (SON)	2.4925 (DGT)	- Điều chỉnh KHSDD cho đúng với phương án tuyển thiết kế
23	Xây dựng đường Lân Viên Đồng Định	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng công trình huyện Cần Giờ	6.35	6.35		6.35	6.45	6.45		6.45	106, 107, 90, 109, B, 112, 80, 59, 68, 46, A, 160, 162, 161, 159, 99, 165, 103, 104, 158, 50, 14, 9, 13, 12, 10, 8, 5, 11 tờ 17		Long Hòa	- Đã ghi vốn tại Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 18/01/2014 - Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND TP. HCM về Danh mục các dự án cần thu hồi đất.	6.45	(RPH)	6.45 (DGT)	- Điều chỉnh KHSDD cho đúng với bản vẽ được duyệt
24	Xây dựng tuyến đường liên xã An Thới Đông - Lý Nhơn	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng công trình huyện Cần Giờ	7.88	7.88			7.94	6.47	0.61		Tờ 55, 58, 57, 67, 89, 95, 90, 91, 93, 115, 119, 120		An Thới Đông	- Quyết định số 4836/QĐ-UBND ngày 28/01/2015 của UBND thành phố về giao kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản 2016 (dợt 2) (5 tỷ) - Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND TP. HCM về Danh mục các dự án cần thu hồi đất.	1.2284 4.1775 1.0194 0.4485 0.1272 0.6063 0.3295 0.0016	(LN k) (Ao l) (SON) (DGT) (DM) (LU k) (ONT+CL N) (XD)	7.9384 (DGT)	- Điều chỉnh KHSDD cho đúng với bản vẽ được duyệt

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích theo NQHĐND thông qua (ha)						Diện tích sau điều chỉnh (ha)						Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú (Lý do điều chỉnh)
			Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn	Diện tích	Loại đất							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)				
25	Dì dơi, bỏ trí dân cư phòng chống thiên tai xã Thanh An	Ban Quản lý dự án Dầu tư Xây dựng công trình huyện Cần Giuộc	13,56	13,56			13,30	11,92			Tờ bản đồ số 20, 21		Cần Thạnh	- Quyết định số 4826/QĐ-UBND ngày 28/01/2015 của UBND thành phố về giao kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản 2016 (dợt 2) (1 tỷ) - Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND TP HCM về Danh mục các dự án cần thu hồi đất,	0,1778 0,6073 4,5042 6,5470 0,0798 0,4052 0,9793	(T) (Ln.k) (Khac) (MN/hg) (Ao.c) (DGT) (SON)	13,3005 (ODT)	- Điều chỉnh KHSDD cho đúng với bản vẽ được duyệt				
26	Xây dựng mới tuyến đường Hà Quang Vóc nối dài ra sông Lòng Tàu	Ban QLDA DTXD khu vực huyện Cần Giuộc	1,73	1,63	0,55		2,09	1,96	0,67		Tờ 78 (15), Tờ 79 (11, 12, 41, 52, 60, 61, 68, 70, 71, 75), Tờ 93 (69), Tờ 94 (4, 5, 7, 8, 33, 38-40, 55, 70, 71, 73, 74, 76-78), Tờ 101 (1-4, 14, 16-19), Tờ 102 (37, 38, 41, 43-46), Tờ 112		Bình Khánh	- Quyết định số 2861/UBND ngày 05/7/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2019 nguồn vốn ngân sách thành phố, - NQ số 34/NQ-HĐND ngày 22/7/2019 của HĐND thành phố về Danh mục các dự án cần thu hồi đất,	0,1739 0,6718 1,0870 0,1305 0,0232	(CLN) (LU.K) (NTS) (SON) (BHK)	2,0864 (DGT)	- Điều chỉnh KHSDD cho đúng với bản vẽ được duyệt				
27	Xây dựng, nâng cấp đường bên Dĩnh Ba số 5, khu phố Giồng Ao (tứ đường Giồng Chạy bên đường Phan Trọng Tuệ)	Ban QLDA DTXD khu vực huyện Cần Giuộc	1,30	0,78			1,00	0,55			Tờ 25 (12-14, 17, 18, 24, 26, 27), Tờ 27 (9, 12, 12-15, 18, 20), Tờ 28 thửa 01, Tờ 29		TT Cần Thạnh	- Quyết định số 2861/UBND ngày 05/7/2019 của UBND thành phố về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2019 nguồn vốn ngân sách thành phố, - NQ số 34/NQ-HĐND ngày 22/7/2019 của HĐND thành phố về Danh mục các dự án cần thu hồi đất,	0,34 0,024 0,089 0,001 0,04 0,05 0,453	(BHK) (BCS) (CLN) (LMU) (NTS) (ODT) (DGT)	0,997 (DGT)	- Điều chỉnh KHSDD cho đúng với bản vẽ được duyệt				

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích theo NQHĐND thông qua (ha)				Diện tích sau điều chỉnh (ha)				Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú (Lý do điều chỉnh)
			Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
28	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông và đầu tư hệ thống thoát nước Tờ 1, 17 ấp Bình An (điểm đầu đường Rừng Sác - điểm cuối nhà ông Huỳnh Văn Bến)	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Cần Giuộc	0.96	0.72	0.22		0.70	0.70	0.16		Tờ 84 (4, 5, 8-10, 12-17, 21, 23-25, 28-31, 33-35, 40, 41, 43, 50-57, 65, 66, 69, 87, 88, 73, 74, 79-86)	Bình Khánh	- QĐ duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật số 1509/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 - Quyết định số 2861/UBND ngày 05/7/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2019 nguồn vốn ngân sách thành phố.	0.0325 0.0247 0.2411 0.1640 0.1290 0.0070 0.0189 0.0003 0.0865	(BHK) (CLN) (DGT) (LUK) (NTS) (ONT) (ONT+CLN) (SON) (TSC)	0.7039 (DGT)	- Điều chỉnh KHSDĐ cho đúng với bản vẽ được duyệt	
29	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông và đầu tư hệ thống thoát nước Tờ 4, 5, 6 ấp Bình An (điểm đầu đường Rừng Sác vào các nhánh rẽ - điểm cuối đường Rừng Sác)	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Cần Giuộc	0.93	0.84	0.28		0.70	0.63	0.21		Tờ 90 (1, 4, 12, 13, 21, 29-31, 42-45, 47-49, 53-55, 70-74, 76-79, 81-84, 86, 87, 88-91, 94, 95, 98-101, 103, 106, 114, 116, 121-123); Tờ 91 (13-18, 20-28, 30-33, 71, 72, 74)	Bình Khánh	- Quyết định số 2861/UBND ngày 05/7/2019 của UBND thành phố về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2019 nguồn vốn ngân sách thành phố. - NQ số 34/NQ-HĐND ngày 22/7/2019 của HĐND thành phố về Danh mục các dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn thành phố	0.03 0.03 0.21 0.24 0.02 0.03 0.11 0.04	BHK CLN LUK NTS ONT SON ONT+CLN DGT	0.70 (DGT)	- Điều chỉnh KHSDĐ cho đúng với bản vẽ được duyệt	

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích theo QPHĐND thông qua (ha)				Diện tích sau điều chỉnh (ha)				Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú (Lý do điều chỉnh)	
			Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	
30	Nâng cấp, mở rộng đường Kinh Ông Cáp Bình Trung (điểm đầu đường, Rừng Sặc điểm cuối nhà ông Châu Văn Đức)	Ban QLDA DTXD khu vực huyện Cần Giờ	1,43	1,40	0,23		0,82	0,80	0,14		Tờ 100 (37, 38, 46, 54, 65, 66, 69, 75, 78, 86, 87); Tờ 96 (12, 14-17, 19, 23, 29, 33, 42, 43, 47, 49-53, 56, 57, 59, 62, 67, 68); Tờ 101 (70, 73, 76-82); Tờ 117 (1, 2, 3); Tờ 100 (88-90, 98, 99); Tờ 114 (2, 3, 5, 6, 9, 13, 28-31, 34, 35, 37, 38, 44, 47, 48)			Bình Khánh	- Quyết định duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật số 1513/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 - Quyết định số 2861/UBND ngày 05/7/2019 của UBND thành phố về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2019 nguồn vốn ngân sách thành phố - NQ số 34/NQ-HĐND ngày 22/7/2019 của HĐND thành phố về Danh mục các dự án cần thu hồi đất.	0,07 0,006 0,57 0,014 0,14 0,01 0,01	CLN NTD NTS SON LUK TSC BHK	0,82 (DGT)	- Điều chỉnh KHSDD cho đúng với bản vẽ được duyệt
31	Nâng cấp, mở rộng đường Tờ 18 ấp Bình An nội Tờ 18 ấp Bình Trường (Điểm đầu KĐC Cò Dầu - Điểm cuối đường EC và Kênh Xăng)	Ban QLDA DTXD khu vực huyện Cần Giờ	1,52	1,45	0,14		1,00	0,96	0,11		Tờ 85 (4-11, 20-23, 27, 28, 30, 35-37, 43-46, 48, 54, 55, 59, 60, 62-67, 77-79, 81-83, 90-93, 96-99, 106-111); Tờ 72 (90, 92, 94, 95); Tờ 89 (2-4, 16-19, 23-25, 31, 32); Tờ 87 (58-63, 67, 80, 81, 82, 84)			Bình Khánh	- Quyết định duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật số 1506/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 - Quyết định số 2861/UBND ngày 05/7/2019 của UBND thành phố về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2019 nguồn vốn ngân sách thành phố - NQ số 34/NQ-HĐND ngày 22/7/2019 của HĐND thành phố về Danh mục các dự án cần thu hồi đất.	0,1 0,33 0,11 0,42 0,04	BHK CLN LUK NTS SON	1,00 (DGT)	- Điều chỉnh KHSDD cho đúng với bản vẽ được duyệt

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích theo NQHĐND thông qua (ha)					Diện tích sau điều chỉnh (ha)				Địa điểm khu đất			Cơ sở pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú (Lý do điều chỉnh)
			Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	
32	Nâng cấp hệ thống thủy lợi khu vực Rạch Lở	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Cần Giờ	8,01	2,39			9,23	2,44			Tờ 54 (6, 7), Tờ 55 (6, 7), Tờ 62 (8, 9), Tờ 63 (1, 2), Tờ 66 (22, 23), Tờ 68 (38)	Xã Long Hòa + Thị trấn Cần Thạnh	- Quyết định số 2861/UBND ngày 05/7/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2019 nguồn vốn ngân sách thành phố; - NQ số 34/NQ-HĐND ngày 22/7/2019 của HĐND thành phố về Danh mục các dự án cần thu hồi đất.	1,26 0,9 0,76 0,26 0,62 0,2 6,03	BHK CLN DGT LMU NTS ONT+CLN SON	9,23 (DTL)	- Điều chỉnh KHSD cho đúng với bản vẽ được duyệt		
33	Dự án Đầu tư Xây dựng khu dân cư Cà Chày	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích huyện Cần Giờ	7,73	7,73	0	0	7,53	7,53			Tờ 105	xã An Thới Đông	QĐ số 4826/QĐ-UBND ngày 16/9/2016 của UBND thành phố về giao kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2016 (đợt 2) (1 tỷ) NQ số 122/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND TP.HCM về Danh mục các dự án cần thu hồi đất.	7,5279	ONT		- Điều chỉnh theo bản vẽ hiện trạng vị trí đang trình Sở TNMT phê duyệt		
34	Dự án Đầu tư Xây dựng khu dân cư Bà Xán	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích huyện Cần Giờ	2,9	2,9	0	0	2,79	2,79			Tờ 165	xã Bình Khánh	QĐ số 4826/QĐ-UBND ngày 16/9/2016 của UBND thành phố về giao kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2016 (đợt 2) (1 tỷ) NQ số 122/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND TP.HCM về Danh mục các dự án cần thu hồi đất.	2,7917	ONT		- Điều chỉnh theo bản vẽ hiện trạng vị trí đang trình Sở TNMT phê duyệt		

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích theo NQHĐND thông qua (ha)				Diện tích sau điều chỉnh (ha)				Địa điểm khu đất			Cơ sở pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú (Lý do điều chỉnh)
			Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
HUYỆN NHÀ BÈ																		
1	Đề kế tư Vam Thuát đền sông Kinh	Công ty TNHH Trung Nam BT 1347	13,86	3,51			14,34	3,68			Bản đồ vị trí do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh duyệt ngày 08/7/2019 theo số DC 8899/XDR-TNMT	Phủ Xuân, TT Nhà Bè	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 22/7/2019 về thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất. Quyết định số 2067/QĐ-Ủy ban nhân dân ngày 16/5/2019 Về duyệt điều chỉnh thiết kế cơ sở mặt bằng, ranh, mốc các hạng mục công kiểm soát triều Tân Thuận, Phú Xuân, Muong Chươi, Cây Khô, Cầu Kinh, Bà Bướm và đoạn đê/kê số 1, 2, 3, 4 thuộc dự án Giải quyết ngập do triều khu vực thành phố Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu - giai đoạn 1.	0,62 (CLN), 0,12 (CAN), 0,22(TMD), 0,18 (DVH), 0,13 (DGT), 0,01 (DTL) 0,30 (ONT), 0,61 (TSC), 0,01 (TON), 1,27 (DK V), 0,35 (PNK), 10,52 (SON)	14,34(DTL)	Điều chỉnh: - Tăng diện tích dự án từ 13,86 ha lên 14,34 ha. - Tăng diện tích thu hồi từ 3,51 ha lên 3,68 ha. Lý do: Điều chỉnh thiết kế nền điều chỉnh diện tích cho phù hợp.		
2	Cầu Muong Bàng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Nhà Bè (Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè cũ)	0,77	0,77			0,81		0,14			Hiệp Phước	Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất: dự án có chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, trên địa bàn Thành phố. Văn bản số 1186/BC-BQLĐA ngày 04/10/2019 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Nhà Bè.	0,81		0,81 (DGT)	Điều chỉnh: - Tăng diện tích dự án từ 0,77 ha lên 0,81 ha. - Tăng diện tích thu hồi từ 0,77 ha lên ... ha Lý do: Điều chỉnh thiết kế nền điều chỉnh diện tích cho phù hợp.	

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích theo NQHĐND thông qua (ha)				Diện tích sau điều chỉnh (ha)				Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Loại đất sau CMD (ha)	Ghi chú (Lý do điều chỉnh)
			Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Diện tích dự án	Diện tích thu hồi	Diện tích CMD đất lúa dưới 10ha	Diện tích CMD đất rừng	Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
3	Đường vào Trung tâm Văn hóa huyện Nhà Bè	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Nhà Bè (Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè cũ)	0,64	0,37			0,69		0,69				Phù Xuân	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Văn bản số 1186/BC-BQLDA ngày 04/10/2019 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Nhà Bè.			0,69 (DGT)	Điều chỉnh: - Tăng diện tích dự án từ 0,64 ha lên 0,69 ha. - Tăng diện tích thu hồi từ 0,37 ha lên ... ha. Lý do: Điều chỉnh thiết kế nền điều chỉnh diện tích cho phù hợp.
4	Lập dự án Bồi thường dự án đầu tư xây dựng Đường 15B	Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng huyện Nhà Bè	9,25	4,28			7,71	4,55	7,71		Ban do vị trí được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh duyệt số 43830/GĐ/TNMT ngày 14/12/2016			Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, trên địa bàn Thành phố	7,71	3,74 (CLN); 0,01 (DTL); 0,46 (ONT); 0,18 (DK.V); 0,04(TMD); 0,13(ODT); 2,56 (DGT); 0,59 (SON); 7,71 (LUA**)	7,71 (DGT)	Điều chỉnh: - Giảm diện tích dự án từ 9,25 ha xuống 7,71 ha. - Tăng diện tích thu hồi từ 4,28 ha lên 4,55 ha. Lý do: Điều chỉnh thiết kế nền điều chỉnh diện tích cho phù hợp.